

Bản án số: 49/2021/HS-ST
Ngày 05-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 523/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc T, sinh năm 1991 tại tỉnh Vĩnh Long; thường trú: Số 43B/4 ấp Ph M 1, xã Đ Ph, huyện L H, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Tổ M, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Ngọc Tuôi, sinh năm 1966 và bà Lê Thị B, sinh năm 1970; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2007; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1992, có 01 con ruột, sinh năm 2018; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1986 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Ấp Ch L, xã Ph Nh, huyện C L, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số 153/11A khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; con ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị R, sinh năm 1974; bị cáo có 01 chị ruột, sinh năm 1984; bị cáo có chồng tên Trần Văn B, sinh năm 1981; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ

ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp Đ Ch, xã M H, huyện Ch M, tỉnh An Giang; tạm trú: Số 654/7A khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 và bà Võ Thị V, sinh năm 1961; có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1990; bị cáo có 02 con ruột, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04 tháng 6 năm 2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 04 tháng 08 ngày tù về tội Đánh bạc, theo Bản án Hình sự phúc thẩm số 65/2009/HSPT; bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Thị Gi, sinh năm 1993 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Ấp K 5B, xã T A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ B, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Khơ me; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; con ông Danh R (đã chết) và bà Thị D, sinh năm 1960; bị cáo có 06 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1999; bị cáo có chồng tên Trần Văn B, sinh năm 1992; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Phan Thị Hồng Gi, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Số 054/Lô A, chung cư Ng Th Th, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Tổ B, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; con ông không rõ và bà Phan Thị K, sinh năm 1957; bị cáo có chồng tên Phạm Đức Tuyền, sinh năm 1977; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Ấp Ch L, xã Ph Nh, huyện C L, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Dương Thị Qu, sinh năm 1962; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1988; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn Tr (đã ly hôn); có 01 con ruột, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Huỳnh Thị H, sinh năm 1975 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: Ấp Th Ph, xã Đ Th, huyện A N, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Tổ B, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; con ông Huỳnh Thanh Qu (đã chết) và bà Vũ Thị Gi (đã chết); bị cáo có 06 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1950,

nhỏ nhất sinh năm 1969; có chồng tên Trương Tấn K, sinh năm 1972; có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/02/2021 cho đến nay, có mặt.

8. Phan Thị Th, sinh năm 1968 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Ấp Ch L, xã Ph Nh, huyện C L, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số 153/11A khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; con ông Phan Văn N, sinh năm 1936 và bà Võ Thị S, sinh năm không rõ; có 08 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1959, nhỏ sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Phan Thị V, sinh năm 1992 tại tỉnh Tiền Giang; thường trú: Ấp H, xã Ph A, huyện C L, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Số 153/11A, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phan Văn Ch, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961; bị cáo có 02 anh chị ruột, lớn sinh năm 1980, nhỏ sinh năm 1989; bị cáo có chồng tên Ngô Minh T, sinh năm 1989; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2010; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Phan Thị Bé Ch, sinh năm 1969 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp Đ Ch, xã M H, huyện Ch M, tỉnh An Giang; tạm trú: Số 215/9B khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Văn Tịch (đã chết) và bà Trần Thị R (đã chết); bị cáo có 07 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1948, nhỏ nhất sinh năm 1969; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; có 02 con ruột, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Dương Thị Tr, sinh năm 1990 tại tỉnh An Giang; thường trú: Ấp B D, xã Th M T, huyện Ch Ph, tỉnh An Giang; chỗ ở: Số 684 đường Ng Th Đ, phường Th M L, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 6/12; con ông Dương Văn Thuận (đã chết) và bà Phạm Thị T (đã chết); bị cáo có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1998; có 01 con ruột, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

** Người tham gia tố tụng khác:*

- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị O, sinh năm 195; vắng mặt.
2. Bà Dương Thị Ch, sinh năm 1964; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 10/7/2020, Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Trần Ngọc T, Phan Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Th, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Văn V và Phan Thị Th đến phòng trọ số 01 của bà Nh (không rõ nhân thân, lai lịch) tại địa chỉ số 215/9B đường Nguyễn Thị Kh, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương để rủ nhau đánh bài binh 06 lá thắng thua bằng tiền. Mỗi ván đặt cược từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, mỗi người làm cái 03 lần và xoay vòng luân phiên. Sau mỗi lần làm cái xong người nào thắng thì cho bà Nh tiền xâu từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng để ở trong phòng khi nào bà Nh về thì tự lấy. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H đến cùng tham gia chơi bài binh 06 lá cùng với các bị cáo trên, bị cáo Tr chơi tự riêng, bị cáo H ké tụ của Phan Thị Hồng Gi. Đến 15 giờ 10 phút cùng ngày, khi Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Trần Ngọc T, Phan Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Th, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H đang đánh bài binh 06 lá thắng thua bằng tiền thì bị Công an phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 4.800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) bộ bài tây 52 lá (đã qua sử dụng), tiền tang 4.800.000 đồng, 4.400.000 đồng trong nồi cơm điện, 10.000.000 đồng trong máy igặt, 37.900.000 đồng trong người Dương Thị Tr, 70.000 đồng trong người Nguyễn Thị Th, 90.000 đồng trong người Phan Thị Bé Ch, 6.000.000 đồng trong người Trần Ngọc T.

Quá trình điều tra xác định:

Trần Ngọc T mang theo và sử dụng 6.200.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T thua 160.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 6.000.000 đồng, để trong phòng bà Nh 40.000 đồng.

Nguyễn Thị Th mang theo và sử dụng 1.500.000 đồng. Quá trình đánh bạc thua hết 1.430.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 70.000 đồng.

Thị Gi mang theo và sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Gi thua 1.300.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 200.000 đồng.

Nguyễn Thị Tuyết M mang theo và sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc M thua 800.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 700.000 đồng.

Phan Thị Hồng Gi mang theo và sử dụng 1.030.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Gi thua 1.000.000 đồng, khi bị bắt Gi để trong phòng trọ bà Nh 30.000 đồng.

Dương Thị Tr mang theo 37.900.000 đồng và sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Tr không thắng không thua, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 37.900.000 đồng.

Nguyễn Thị Ng mang theo và sử dụng 730.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Ng thua 700.000 đồng, khi bị bắt Ng để trong phòng bà Nh 30.000 đồng.

Phan Thị V mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc V thua 400.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ tiền tang của V 100.000 đồng.

Phan Thị Bé Ch mang theo và sử dụng 380.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Ch thua 340.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 40.000 đồng.

Phan Thị Th mang theo và sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc Th thua 200.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ tiền tang của Th 100.000 đồng.

Huỳnh Thị H mang theo và sử dụng 50.000 đồng để ké tụ của Phan Thị Hồng Gi đánh bạc. Quá trình đánh bạc H không thắng, không thua, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 50.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bài là 14.590.000 đồng.

Đối với bà Nh, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với số tiền 4.400.000 đồng thu trong nồi cơm điện và số tiền 10.000.000 đồng trong máy giặt tại phòng trọ của bà Nh, do chưa rõ chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D A tiếp tục quản thủ, xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại cáo trạng số 545/CT – VKS - DA ngày 30 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Trần Ngọc T, Phan Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Th, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th từ từ 08 đến 10 tháng tù.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự .

- Xử phạt Trần Ngọc T từ 08 đến 10 tháng tù.

- Xử phạt các bị cáo Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Phan Thị Bé Ch, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H, mỗi bị cáo từ 07 đến 09 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 11.860.000 đồng, là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 (một) bộ bài tây 52 lá (đã qua sử dụng), là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận, đối đáp gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; người làm chứng; biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 12 giờ ngày 10/7/2020, tại phòng trọ số 01 địa chỉ số 215/9B đường Nguyễn Thị Kh, khu phố Ch L, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Trần Ngọc T, Phan Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Th, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tri và Huỳnh Thị H đánh bạc bằng hình thức đánh bài binh 06 lá thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 14.590.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh 06 lá thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 14.590.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 545/CT-VKS-DA ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[5] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò đều là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Trần Ngọc T, Phan Thị Bé Ch, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị Th có nhân thân xấu thể hiện bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Huỳnh Thị H trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo được cho tại ngoại bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tuy nhiên trong quá trình xét xử bị cáo không trình diện, không chấp hành các quyết định, yêu cầu của Tòa án, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo. Đối với các bị cáo còn lại là người có nhân thân tốt, có trình độ học vấn thấp, người dân tộc thiểu số và công nhân lao động nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Hình phạt chính: Xét các bị cáo Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Trần Ngọc T, Phan Thị Bé Ch, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt và người lao động, hơn nữa trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, thời gian tạm giữ, tạm giam cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo. Do áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo nên cần hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo.

+ Xét bị cáo Nguyễn Thị Th phạm tội ít nghiêm trọng nhưng có nhân thân xấu thể hiện bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc, đã được xóa án

tích nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung. Đồng thời để đảm bảo cho việc thi hành án nên cần áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 15/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D A, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Thị Th.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo, cũng như hình phạt tù đối với bị cáo Thảo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Xét số tiền 11.860.000 đồng, là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước

- Xét 01 (một) bộ bài tây 52 lá là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với bà Nhôm, hiện không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau và đối với số tiền 4.400.000 đồng thu trong nồi cơm điện và số tiền 10.000.000 đồng trong máy giặt tại phòng trọ của bà Nhôm, do chưa rõ chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục quản thủ, xác minh làm rõ xử lý sau, là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Còn khung hình phạt, xét số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt nhẹ hơn Viện kiểm sát đề nghị để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc T, Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Phan Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Th, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng Gi 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ng 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Phan Thị Bé Ch 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Thị Gi 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết M 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Phan Thị V 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Phan Thị Th 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Dương Thị Tr 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị H 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Huỳnh Thị Hoa ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo Hoa không bị tạm giữ, bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

Hủy các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14/2021/HSST-LCĐKNCT ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/7/2020 đến ngày 19/7/2020.

Tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 15/20121/HSST-LCĐKNCT ngày 17 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kể từ khi tuyên án đến khi Nguyễn Thị Thảo đi chấp hành án phạt tù

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ bài tây 52 lá.
- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 11.860.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003546 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/12/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Ngọc T, Phan Thị Hồng Gi, Nguyễn Thị Ng, Phan Thị Bé Ch, Nguyễn Thị Th, Thị Gi, Nguyễn Thị Tuyết M, Phan Thị V, Phan Thị Th, Dương Thị Tr và Huỳnh Thị H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA